TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 94/2018/DS-PT Ngày: 17 - 5 - 2018 V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động và đặt cọc	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thanh Răng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động và đặt cọc".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2017/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Ngô Minh T (Ngô Văn T), sinh năm 1946; địa chỉ cư trú: Ấp OĐ, xã TAT, huyện NH, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có*: Anh Võ Minh H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Ấp OĐ, xã TAT, huyện NH, tỉnh Cà Mau (Theo Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2018).

- *Bị đơn*: Ông Võ Công K, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Ấp 14, xã KH, huyện UM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lê Thị C, sinh năm 1946; địa chỉ cư trú: Ấp OĐ, xã TAT, huyện NH, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Ngô Minh T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp OĐ, xã TAT, huyện NH, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Bà C và anh T có văn bản ủy quyền cho anh Võ Minh H đại diện tham gia tố tụng; Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2018.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp UMH (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Võ Công K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Minh T có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Võ Công K thành quả lao động, kết quả đầu tư trên diện tích 12,8 ha đất tại ấp 11, xã Khánh Thuận, huyện U minh, tỉnh Cà Mau thuộc khoảnh 7-9, liên tiểu khu U Minh II, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp UMH (gọi tắt là Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ), đất này do ông Ngô Minh T ký hợp đồng hợp tác với Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ trồng rừng.

Nguyên đơn cho rằng: Ngày 06/10/2016 bà Lê Thị C (vợ ông T) cùng con là Võ Minh T gặp ông ông Võ Công K tại xã Khánh An bàn bạc, trao đổi thống nhất việc chuyển nhượng thành quả lao động trên đất giá 1,2 tỷ đồng. Ông K soạn thảo văn bản Hợp đồng, nội dung có ghi bị đơn đặt cọc 50 triệu đồng. Do không có mặt ông T nên bà C và anh T đem bản Hợp đồng về cho ông T ký tên nên chưa nhận tiền cọc. Ngày 17/10/2016, bà C và anh T đến Cà Mau gặp và giao cho ông K bản Hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên đất có đầy đủ chữ ký của ông T, bà C và anh T cùng với Sổ hợp đồng do ông T đứng tên hợp tác trồng rừng với Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ và nhận của ông K giao 50 triệu đồng do anh T viết biên nhận. Lúc này, bà C và anh T tiếp tục thỏa thuận vơi ông K, trên phần đất chuyển nhượng có nhiều cây ăn quả (Bưởi, quýt, xoài, mận…) chưa kịp bán cho người khác chiết nhánh nên đồng ý chuyển nhượng cho ông K với giá 100 triệu đồng. Như vậy, tổng giá trị chuyển nhượng thành quả trên đất là 1,3 tỷ đồng. Hai bên thống nhất giao kết ông K làm thủ tục giấy tờ chuyển tên trong sổ hợp đồng đối với Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ trong thời hạn 15 ngày, khi hoàn thành thủ tục T hành giao đất và giao đủ số tiền còn lại. Do ông K không thực hiện đúng thỏa thuận, kéo dài thời gian, không làm thủ tục chuyển tên nên ông T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động ngày 06/10/2016 với ông K. Ông K bị mất số tiền đặt cọc 50 triệu đồng và phải giao trả lại Sổ hợp đồng do ông T đứng tên hợp tác trồng rừng với Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ.

Ý kiến của bị đơn ông Võ Công K: Ngày 06/10/2016 ông cùng ông T, bà C và anh T ký kết hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động đối với 12,8 ha đất lâm nghiệp với giá 1,2 tỷ đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng ông K đã giao cho ông T 50 triệu đồng tiền đặt cọc và được nhận Sổ hợp đồng theo nội dung thỏa thuận được ghi trong hợp đồng. Hai bên thỏa thuận bên bán chịu trách nhiệm làm thủ tục, giấy tờ chuyển tên người sử dụng đất, trong thời hạn 15 ngày. Ngày 17/10/2016, hai bên T hành đo đất để bàn giao thì chỉ có khoảng 06 ha nhưng có thể giao được khoảng 02 ha vì phần đất còn lại đang tranh chấp nên ông T yêu cầu dừng lại. Cùng ngày 17/10/2016 tại Cà Mau, ông K đưa thêm 50 triệu đồng và tiếp tục thỏa thuận: Trên phần đất chuyển nhượng có nhiều cây ăn quả (Bưởi, quýt, xoài, mận…) nếu ông T bàn giao đất sớm thì đồng ý trả thêm cho ông T 100 triệu đồng. Đến nay phía ông T không thực hiện đúng theo hợp đồng giao kết ngày 06/10/2016 về việc làm gấy chuyển tên và giao đất cho ông. Ngày 12/6/2017 ông Võ Công K có Đơn yêu cầu phản tố với nội dung: Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng ngày 06/10/2016; nếu hủy hợp đồng thì ông T phải trả 350 triệu đồng (gồm 50 triệu đồng tiền cọc; 250 triệu đồng tiền phạt cọc; 50 triệu đồng tiền đưa trước).

Từ nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 62/2017/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Căn cứ Điều 424; khoản 1 và 2 Điều 427; Điều 404; Điều 328 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 27 – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Minh T về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất ngày 06/10/2016 giữa ông Ngô Minh T, bà Lê Thị C với ông Võ Công K; Số tiền 50.000.000 đồng ông Võ Công K đặt cọc thuộc về ông Ngô Minh T (ông Ngô Minh T không phải trả lại ông Võ Công K 50.000.000 đồng tiền đặt cọc).

Buộc ông Võ Công K có nghĩa vụ giao trả lại ông Ngô Minh T bản gốc Sổ Hợp đồng kinh tế hợp tác đầu tư trồng rừng năm 2016, số 06/HĐ-HTĐT giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp UMH với ông Ngô Minh T.

Không chấp nhận các yêu cầu của ông Võ Công K về việc ông Ngô Minh T phải trả lại 50.000.000 đồng tiền đặt cọc; về việc phạt cọc ông Ngô Minh T số tiền 250.000.000 đồng; về việc có đưa trước cho ông Ngô Minh T 50.000.000 đồng tiền của hợp đồng (trong số tiền 1,2 tỷ đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, bị đơn ông Võ Công K nộp đơn kháng cáo yêu cầu buộc ông T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng công sức đầu tư trên đất theo diện tích đo đạc thực tế, giá trị chuyển nhượng căn cứ theo hợp đồng đã thỏa thuận ngày 06/10/2016 và chuyển tên sang cho ông K. Trường hợp, nếu ông T không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng thì ông T phải trả lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng đã nhận và tiền phạt cọc là 250.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Võ Công K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử T hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Võ Công K, sửa bản án sơ thẩm số 62/2017/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U Minh; buộc ông Ngô Minh T trả lại cho ông K 50 triệu tiền cọc và phạt cọc 5 lần bằng 250 triệu đồng theo thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại cấp sơ thẩm có triệu tập anh Trần Văn N tham gia phiên tòa với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bản án không đưa anh N vào tham gia tố tụng là có sai sót nhưng không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các bên đương sự nên không thuộc trường hợp phải hủy án sơ thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Ngô Minh T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động, công sức đầu tư trên đất ký kết với ông Võ Công K ngày 06/10/2016; ông K phải mất tiền cọc do có lỗi không thực hiện việc chuyển tên trên giấy tờ sử dụng đất. Ông K yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng và phản tố nếu hủy hợp đồng ông T là người có lỗi; yêu cầu trả lại tiền cọc, phạt 05 lần tiền cọc và trả lại số tiền ông trả trước để thực hiện hợp đồng. Như vậy, quan hệ tranh chấp giữa ông T với ông K là tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động, công sức đầu tư trên đất, có đặt cọc.

[3] Xét nội dung vụ án thấy rằng: Ngày 06/10/2016 ông T và ông K thống nhất ký hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên 12,8 ha đất tại ấp 11, xã Khánh Thuận, huyện U Minh thuộc khoảnh 7 – 9, Liên Tiểu khu U Minh II, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp UMH. Đất này do ông T đứng tên ký hợp đồng hợp tác trồng rừng với Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ.

Sau khi hợp đồng được ký kết, ông K đã giao cho ông T 50 triệu tiền đặt cọc, ông T đã giao cho ông K Sổ hợp đồng sử dụng đất giữa ông với Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ. Sau đó hai bên xảy ra tranh chấp: Ông T cho rằng đã giao Sổ hợp đồng với Công ty cho ông K nên ông K có nghĩa vụ làm giấy chuyển tên theo thỏa thuận; ông K cho rằng theo hợp đồng đã ký, nghĩa vụ làm thủ tục chuyển tên thuộc về ông T. Thực tế đến nay hai bên không làm xong thủ tục chuyển tên, không bàn giao được đất và không thanh toán được tiền giữa ông T với ông K. Ông T yêu cầu hủy hợp đồng, ông K mất tiền cọc 50 triệu đồng. Ông K yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng nếu không thì ông T phải trả lại số tiền 100 triệu đồng và tiền phạt cọc 250 triệu đồng.

Án sơ thẩm căn cứ vào nội dung tranh chấp, thực tế hợp đồng không thực hiện được để tuyên hủy hợp đồng là đúng. Song án sơ thẩm xác định do nội dung, điều khoản của hợp đồng ký ngày 06/10/2016 giữa các bên quy định về nghĩa vụ bên làm giấy chuyển tên không rõ ràng, có thể hiểu nhiều nghĩa khác nhau để áp dụng Điều 404 Bộ luật Dân sự giải thích hợp đồng theo hướng bất lợi cho bên soạn thảo. Từ đó, quy kết ông K là người có nghĩa vụ làm giấy chuyển tên, hợp đồng không thực hiện được là lỗi của ông K nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy hợp đồng lập ngày 06/10/2016, ông K mất số tiền cọc 50.000.000 đồng và phải trả lại ông T bản gốc Sổ Hợp đồng kinh tế hợp tác đầu tư trồng rừng năm 2016 số 06/HĐ-HTĐT là chưa chính xác.

[4] Xét kháng cáo của ông Võ Công K cho rằng nghĩa vụ làm giấy chuyển tên quyền sử dụng đất là của ông T, thì thấy: Tại Hợp đồng ngày 06/10/2016 có ghi "*Ngày 06/10/2016 DL bên B đặt cọc cho bên A là 50.000.000 (năm chục triệu đồng). Thì bên A phải giao toàn bộ các giấy tờ có liên quan đến phần đất như: Sổ hợp đồng quyền sử dụng đất (sổ góc), phần còn lại là 1.150.000.000 (một tỷ một trăm năm chục triệu đồng) sau khi bên A làm giấy chuyển tên cho bên B xong. Thì bên A đo đất ra giao lại cho bên B đủ thì bên B phải trả tiền cho bên A dứt điểm*". Nhưng tại biên nhận nhận tiền của anh T ngày 17/10/2016 có ghi: "*Theo giao kèo, cha tôi có nhượng lại cho anh K 12,8 ha đất lâm nghiệp có hợp đồng kèm theo nhưng trong sổ là 47,8 ha anh K được quyền sử dụng 12,8 ha phần còn lại anh K*

phải có trách nhiệm chuyển lại cho anh N 35 ha và tất cả diện tích đất đai, anh K và anh N phải thỏa thuận với nhau chuyển tên công chứng quyền canh tác cho phù hợp". Theo thỏa thuận tại 02 văn bản này có sự mâu thuẫn về nghĩa vụ của người làm thủ tục chuyển nhượng tên trên sổ hợp đồng sử dụng đất.

Tuy nhiên, việc chuyển nhượng thành quả lao động trên đất ngay từ đầu hai bên đều biết ông T đã chuyển nhượng cho anh N 35 ha chưa làm giấy và đất này là đất ông T ký hợp đồng kinh tế hợp tác đầu tư trồng rừng với Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ. Việc chuyển nhượng làm giấy chuyển tên từ ông T sang ông K có liên quan trực tiếp đến sự đồng ý của anh N và Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Hiện đại diện cho ông T và ông K khai thống nhất nhau khi thỏa thuận ký kết hợp đồng không tham khảo trước với anh N và Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ về thủ tục chuyển nhượng và thủ tục làm giấy.

Theo lời khai của anh N được ông K thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm là khi liên hệ làm thủ tục chuyển tên sổ hợp đồng từ ông T sang anh N và ông K theo diện tích được chuyển nhượng từ ông T thì Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ không đồng ý. Công ty chỉ có thể cho chuyển tên sổ hợp đồng từ ông T sang anh N vì anh N có diện tích 35 ha. Giữa anh N với ông K có thể thỏa thuận làm giấy tay với nhau. Đồng thời tại Công văn số 191/Cty ngày 13/5/2017 của Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ trả lời yêu cầu của ông K về việc giải quyết hợp đồng với ông T có xác định: "*Việc chuyển nhượng hợp đồng Công ty không cho phép*".

Từ các chứng cứ trên, có đủ cơ sở kết luận việc không thực hiện được việc thủ tục chuyển tên sổ hợp đồng giữa ông T với ông K, cả hai bên đều có lỗi. Cụ thể khi ký kết hợp đồng hai bên không tham khảo trước ý kiến của Công ty và anh N, không quy định cụ thể rõ ràng trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng là của ai, hai văn bản thể hiện nghĩa vụ trái ngược nhau của hai bên. Hơn nữa, cả hai bên đều không có thiện chí hợp tác cùng nhau thực hiện việc làm giấy chuyển tên và việc chuyển nhượng hợp đồng này Công ty không cho phép. Vì vậy, khi hủy hợp đồng các bên có nghĩa vụ trả lại cho nhau những gì đã nhận.

[5] Xét việc đặt cọc và thanh toán ông K xác định: Ngày 06/10/2016, ngay khi ký hợp đồng ông giao cho ông T 50 triệu đồng tiền đặt cọc theo hợp đồng và đến ngày 17/10/2016 ông giao tiếp 50 triệu đồng là tiền thỏa thuận trả trước tiền cây ăn trái, do anh T nhận có biên nhận, tổng cộng là 100 triệu đồng. Ông T, bà C, anh T đều xác định ngày 06/10/2016 do không có mặt ông T nên bà C và anh T gặp ông K nhận bản Hợp đồng do ông K soạn sẵn mang về nhà đưa cho ông T ký. Đến ngày 17/10/2016 bà C và anh T gặp lại ông K giao để giao Sổ hợp đồng với Công ty và nhận 50 triệu tiền cọc theo đúng giao kết trong hợp đồng. Lúc này hai bên đều có làm biên nhận cho nhau. T làm biên nhận có nhận 50 triệu đồng, K làm biên nhận đã nhận Sổ hợp đồng.

Lời khai của bà C, anh T chỉ nhận của ông K 50 triệu tiền cọc ngày 17/10/2016 là có cơ sở được chấp nhận, bởi lẽ ngày 17/10/2016 phía ông T mới giao Sổ hợp đồng cho ông K (có biên nhận của ông K). Ông K cho rằng giao tiền cọc ngày 06/10/2016 nhưng lúc này ông chưa nhận được Sổ hợp đồng từ ông T nên không thể giao tiền cọc lúc này. Vì tại Hợp đồng ghi rõ "*Bên B đặt cọc cho*

bên A là 50.000.000 (năm chục triệu đồng) thì bên A phải giao toàn bộ các giấy tờ có liên quan đến phần đất như sổ hợp đồng quyền sử dụng đất (sổ góc)". Đồng thời, phía ông T cũng không có biên nhận nào thể hiện nhận tiền cọc của ông K ngày 06/10/2016. Do vậy, lời trình bày này của ông K không có cơ sở để chấp nhận. Từ cơ sở đó xác định phía ông T chỉ nhận từ ông K 50 triệu và nhận một lần ngày 17/10/2016 nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông K có giao trả trước cho ông T 50 triệu đồng thỏa thuận về cây ăn trái.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Công K, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động và công sức đầu tư trên đất giữa ông Ngô Minh T với ông Võ Công K. Ông T và bà C có nghĩa vụ trả lại ông K 50 triệu tiền đặt cọc; ông K có nghĩa vụ trả lại ông T bản chính Sổ hợp đồng số 06 do ông T đứng tên ký hợp tác trồng rừng với Công ty Lâm nghiệp U Minh Hạ. Bác yêu cầu của ông Võ Công K về việc đòi ông Ngô Minh T trả lại ông K 50 triệu đồng tiền thanh toán trước phần cây ăn trái và phạt cọc đối với ông Ngô Minh T 250 triệu đồng.

[7] Do sửa án sơ thẩm nên cần xác định lại nghĩa vụ chịu án phí như sau:

Ông T và bà C phải chịu 5% án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông K là 2.500.000 đồng.

Ông K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 5% án phí có giá ngạch trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 15.000.000 đồng.

Do kháng cáo được chấp nhận nên ông K không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 328; khoản 2 Điều 424; Điều 425; khoản 2 Điều 427 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Võ Công K; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 62/2017/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Ngô Minh T, hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất ngày 06/10/2016 được ký kết giữa ông Ngô Minh T, bà Lê Thị C với ông Võ Công K.

Buộc ông Ngô Minh T và bà Lê Thị C trả lại cho ông Võ Công K số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ông Võ Công K trả lại cho ông Ngô Minh T sổ hợp đồng kinh tế hợp tác đầu tư trồng rừng năm 2006 (Hợp đồng số 06, bản gốc), giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp UMH với ông Ngô Minh T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Công K về việc đòi ông Ngô Minh T trả lại ông K 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền thanh toán trước phần cây ăn trái và phạt cọc đối với ông Ngô Minh T 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí:

Ông Ngô Minh T và bà Lê Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011377 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, như vậy ông Ngô Minh T và bà Lê Thị C còn phải nộp tiếp 2.200.000 đồng.

Ông Võ Công K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Võ Công K phải chịu 15.000.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền án phí dân sự ông Võ Công K phải chịu là 15.300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 8.750.000 đồng theo biên lai số 0011438 ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh; ông Võ Công K còn phải nộp 6.550.000 đồng tiền án phí dân sự.

Ông Võ Công K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông K đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng, tại biên lai số 0011744 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Nhân